

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 9 - 2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thùy Đông; Bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đức G, sinh năm 1982

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1982

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Vũ Anh S, sinh ngày 13/8/2004.

- Cháu Vũ Đức Thành A, sinh ngày 06/12/2013.

Người đại diện hợp pháp cho các cháu: Anh Vũ Đức G, chị Nguyễn Thị Bích Đ - Bố mẹ đẻ các cháu.

HKTT: Thôn V, xã B, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở: Số 132 đường N, xã B, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn V, xã B, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa có mặt anh Giang chị Đào, còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Đức G trình bày:

Anh Vũ Đức G và chị Nguyễn Thị Bích Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố Hưng Yên năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh G sống riêng tại thôn V, xã B (ở nhờ trên nhà đất của bố mẹ anh G). Tình cảm vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc. Năm 2009, anh G đi xuất khẩu lao động bên Hàn Quốc. Thời gian anh ở bên Hàn Quốc, vợ chồng hay cãi nhau qua điện thoại. Nội dung cãi nhau chuyện gia đình, cuộc sống. Khoảng năm 2017, anh Giang có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ Việt Nam, người này gọi điện nháy máy cho chị Đ nên chị ở nhà biết được. Từ đó vợ chồng cãi nhau kịch liệt hơn. Khoảng tháng 8 hay tháng 9/2019 anh quyết định về nước vì vẫn nghĩ đến vợ con. Khi anh G về nước thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm trí còn đánh nhau. Chị Đ vẫn không bỏ qua cho anh việc có người phụ nữ khác bên Hàn Quốc. Mặt khác chị tỏ thái độ coi thường anh trong cuộc sống. Anh về nước để cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chỉ từ một phía của anh thì không thể làm được. Nay cuộc sống giữa anh và chị Đ không còn tiếng nói chung, vợ chồng không hòa hợp được, khiến cho cuộc sống rất mệt mỏi. Bên cạnh đó thì mối quan hệ của chị Đ với nhà chồng không tốt, chị cãi nhau với mẹ chồng, chị dâu chồng, thậm trí còn đánh nhau. Việc mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh thì hai bên gia đình đều có biết và khuyên bảo, nhưng vợ chồng không sao hàn gắn được tình cảm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Đ không còn nữa nên anh xin được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Anh S, sinh ngày 13/08/2004 và Vũ Đức Thành A, sinh ngày 06/12/2013. Anh G có nguyện vọng nhận nuôi cháu S. Cháu Thành A để chị Đ nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thành A cùng chị Đ là 3.000.000 đồng/1 tháng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không đề nghị giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như anh G đã trình bày. Sau kết hôn, anh G làm hàn xì thuê, chị làm cho công ty May. Do cuộc sống khó khăn nên cậu ruột chị đã xin cho hai vợ chồng đi làm ở Công ty Nhựa Hưng Yên và sau đó xin cho anh G đi xuất khẩu lao động bên Hàn Quốc vào tháng 3/2009. Đến tháng 9/2019 anh G về Việt Nam. Thời gian đầu anh G bên Hàn Quốc đã gửi tiền về trả nợ cho bố mẹ chồng, chị chồng, bố mẹ vợ, vì khi đi Hàn Quốc phải vay tiền của những người thân. Sau khi trả hết nợ thì anh G gửi tiền cho chị, ở nhà chị đã xây nhà và mua được 02 mảnh đất mang tên vợ chồng. Đây cũng là lý do nảy sinh mâu thuẫn giữa chị với gia đình nhà chồng. Bố mẹ chồng chị không muốn anh G gửi tiền về cho vợ mà

phải gửi tiền về cho ông bà cầm giữ. Ông bà ở nhà vu khống chị cặp bồ khiến anh G nghi ngờ chị, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn. Năm 2011 anh G 02 lần về nước để xem chị có bồ hay không, nhưng không tìm thấy bằng chứng gì. Năm 2017 thì chị phát hiện ra anh G cặp bồ bên Hàn Quốc, tình cảm vợ chồng càng trở nên mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng chị cãi nhau thường xuyên trên điện thoại. Anh G cũng từ năm 2017 ít gửi tiền về cho chị. Thời gian anh G ở bên Hàn Quốc thì anh toàn nghe và tin tưởng bố mẹ anh ở nhà, không tin tưởng chị. Tháng 9/2019 anh G về nước, nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Chị cũng đã cố gắng hòa hợp với chồng, nhưng không sao cải thiện được tình cảm. Vợ chồng suốt ngày cãi nhau, anh G còn đánh đập chị, mỗi lần cãi nhau anh G lại vào ăn ở nhà trong với bố mẹ chồng, bỏ mặc chị và các con ở nhà ngoài. Về phận làm dâu chị xác định làm tròn trách nhiệm. Về phía nhà chị, anh G không quan tâm. Nay anh G làm đơn xin ly hôn. Chị thấy một người chồng như vậy không còn gì để luyện tiếc, chị đã hết tình cảm vợ chồng. Chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Do cháu A bị tự kỷ, chị không muốn hai anh em phải sống xa nhau nên chị nhận nuôi cả hai cháu. Chị yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu S là 1.500.000 đồng/1 tháng. Cháu A là 4.000.000 đồng/1 tháng (bao gồm tiền ăn và thuốc để cháu dùng thường xuyên hàng ngày), cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vũ Anh S trình bày:

Khi bố cháu đi Hàn Quốc về thì cháu thấy mẹ bảo bố ngoại tình bên Hàn Quốc. Do áp lực công việc mẹ đi làm về mẹ hay nói nhiều rồi bố mẹ sinh ra cãi nhau, gần đây là đánh nhau. Mỗi lần bố mẹ cãi nhau thì bố lại vào nhà trong ở thôn V để ở, còn nhà ở ngoài đường N để ba mẹ con cháu ở. Nay bố cháu có đơn xin ly hôn mẹ. Cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nhưng nếu bố G cương quyết xin ly hôn mẹ Đ thì nguyện vọng của cháu là xin ở với bố G. Việc cấp dưỡng nuôi cháu như nào do bố mẹ cháu tự thỏa thuận với nhau.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Vũ Đức G vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Đ để sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu S, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi cháu. Còn cháu A để chị Đ nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A là 3.000.000 đồng/1 tháng. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích Đ đồng ý ly hôn với anh G. Con chung chị xin nuôi cả hai cháu. Chị đồng ý anh G cấp dưỡng nuôi cháu A là 3.000.000 đồng/ 1 tháng. Tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

+ Về hệ hôn nhân: Ghi nhận tự nguyện ly hôn giữa anh G và chị Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Anh S, sinh ngày 13/08/2004 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Đức Thành A, sinh ngày 06/12/2013 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh G không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi cháu S. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc anh G cấp dưỡng nuôi cháu A là 3.000.000 đồng/1 tháng, cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và tự lập được.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Đức G yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích Đ, có địa chỉ: Thôn V, xã B, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức G và chị Nguyễn Thị Bích Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên ngày 29/8/2003. Như vậy, hôn nhân giữa anh G và chị Đ là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh G: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng anh G sau kết hôn chung sống hạnh phúc. Năm 2009 anh G đi xuất khẩu lao động bên Hàn Quốc, thời gian đầu vợ chồng hay cãi nhau trên điện thoại về chuyện cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn tình cảm trở nên căng thẳng năm 2017 do anh G có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác bên Hàn Quốc. Chị Đ biết nên vợ chồng cãi nhau nhiều hơn. Tháng 9/2019 anh G về nước cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vợ chồng càng cãi nhau nhiều hơn, thậm trí còn đánh nhau. Bên cạnh đó thì mối quan hệ giữa chị Đ với gia

đình nhà chồng không được tốt. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh G và chị Đ đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không còn tình cảm với nhau nữa. Anh G xin ly hôn chị Đ, chị đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh G và chị Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh chị để mỗi bên sớm ổn định cuộc sống của mình.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Anh S, sinh ngày 13/08/2004 và Vũ Đức Thành A, sinh ngày 06/12/2013. Anh G có nguyện vọng nhận nuôi cháu S. Chị Đ có nguyện vọng nhận nuôi cả hai cháu. Xét nguyện vọng của anh chị HĐXX thấy:

Đối với yêu cầu của chị Đ xin nhận nuôi cả hai cháu, vì chị không muốn cháu S và cháu A phải sống xa nhau. Cháu A thì đang bị tăng động, chậm phát triển, giảm chú ý. Mặt khác chị cho rằng anh G không đủ tư cách đạo đức nhận nuôi cháu S. Nhưng tại biên bản lấy lời khai của cháu S ngày 14/7/2020 (BL 24) cháu có nguyện vọng xin được ở với anh G và cháu khẳng định “Anh em cháu thì cả bố và mẹ đều quan tâm”. Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2020 (BL 48) của Tòa án với bà Hoàng Thị G1 - Phó trưởng thôn V cung cấp “theo bà biết thì anh G là người hiền lành, biết tu chí làm ăn, sống tại địa phương không có tiếng tăm gì”. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận nguyện vọng của anh G, giao cháu S cho anh G nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do cháu A còn nhỏ, sống với chị Đ trong suốt thời gian anh G ở nước ngoài. Vì vậy, giao cháu A cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận sự thỏa thuận của hai anh chị về việc anh G cấp dưỡng nuôi cháu A là 3.000.000 đồng/ tháng.

[2.4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh G phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đức G và chị Nguyễn Thị Bích Đ.

[2]. Về con chung: Giao cháu Vũ Anh S, sinh ngày 13/8/2004 cho anh Vũ Đức G trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Đức Thành A, sinh ngày 06/12/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích Đ trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh G không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu S. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc anh G tự nguyện cấp cấp dưỡng nuôi cháu A là 3.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và tự lập được.

Anh G, chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Đ có đơn thi hành án hợp lệ về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh G không chịu thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Vũ Đức G phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ anh G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001202 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Anh G còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 uật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh G, chị Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS TP. Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Kim Anh

